

Bản án số: 08/2021/DS-PT
Ngày: 12-5-2021
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Dũng

Các Thẩm phán:

Bà Đỗ Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh YB.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh YB xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/TCDS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 4 năm 2021. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Thôn LG, xã KT, huyện LY, tỉnh YB.

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Triệu Quốc T và bà Hoàng Thị T.

Địa chỉ: Thôn LG, xã KT, huyện LY, tỉnh YB.

(Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã KT, huyện LY, tỉnh YB.

Người đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Xuân Tr-Cán bộ công chức Tư pháp xã. Theo Giấy uỷ quyền số: 81/UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của ông Hoàng Thái M- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. (Vắng mặt)

Người kháng cáo là bị đơn, ông Triệu Quốc T và bà Hoàng Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ và diễn biến tại phiên toà thì vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15-7-2020 và lời khai của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T trình bày: Năm 1980 gia đình bà khai phá được thửa đất đồi ở tại thôn LG, xã KT, huyện LY, tỉnh YB. Có diện tích 4.198 m², có ranh giới như sau: trên đỉnh giáp đất bà Hoàng Thị M; bên phải giáp đất nhà ông Triệu Quốc T; bên trái giáp đất bà Lý Thị B và đất nhà ông Hoàng Văn Th; phía dưới chân giáp đường dân sinh. Sau khi khai phá gia đình bà đã sử dụng để trồng ngô và trồng cây lâu năm gồm cây xoan, cây Tampa. Năm 1998 gia đình bà đã khai thác cây xoan để làm nhà. Đến năm 2002-2003 gia đình bà cho vợ chồng ông Hoàng Văn Th1, bà Hoàng Thị N mượn một phần đất để trồng vừng. Sau khi ông Th1, bà N trả đất thì bà lại cho gia đình con gái là Hoàng Thị H, Hoàng Kim Hay mượn diện tích đất này để trồng ngô. Từ năm 2006 gia đình bà tiếp tục trực tiếp sử dụng diện tích đất nêu trên. Đến năm 2007 thì diện tích đất này đã được đo đạc nhưng gia đình chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do không biết kê khai quyền sử dụng. Năm 2009 gia đình bà làm lán trên đất này và sử dụng đất trồng cây hàng năm nhưng đến năm 2010 thì lán bị cháy, gia đình cũng không làm lại lán nữa. Tháng 9 năm 2011 xảy ra tranh chấp do trâu nhà ông Triệu Văn T2 (em trai ông Triệu Quốc T) vào phá ngô của gia đình bà trồng trên diện tích đất này, sự việc đã được Công an xã giải quyết (Khi đó con trai bà là Hoàng Trung Hoàn tham gia giải quyết tranh chấp) và gia đình ông T2 đã phải bồi thường trị giá số cây ngô bị thiệt hại cho gia đình bà. Trong quá trình giải quyết, Công an xã có kết luận là đất đang có tranh chấp không ai được sử dụng nên gia đình bà chấp hành theo, không sử dụng trên phần đất này nữa nhưng trên đất vẫn còn cây lâu năm do gia đình bà trồng từ trước. Đến tháng 12 năm 2018 ông Triệu Quốc T đưa máy xúc vào san gạt làm mất cả mốc giới và cây cối của khu đất này. Gia đình bà đã đề nghị Ủy ban nhân dân xã giải quyết tranh chấp, Ủy ban xã đã kết luận đó là đất tranh chấp, không ai được sử dụng nhưng gia đình ông T không chấp hành mà vẫn tiến hành trồng cây ngô, cây mai và xoan trên đất. Ủy ban nhân dân xã đã giải quyết, hoà giải nhiều lần nhưng không thành. Vì vậy bà Nguyễn Thị T khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T phải trả lại cho gia đình bà diện tích đất đang có tranh chấp là 840m².

Tại các bản tự khai và Biên bản ghi lời khai bổ sung, ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T trình bày: Về nguồn gốc: Diện tích đất đang có tranh chấp là do bố mẹ ông khai phá từ năm 1990 để trồng ngô, ranh giới đất giáp các hộ gia đình có cây cọ và bờ rào xếp bằng đá. Sau khi bố ông mất, năm 1995 mẹ ông là bà Lý Thị Đ đã giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho vợ chồng ông sử dụng. Năm 2013 gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện LY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu vực này và gia đình ông đã sử dụng ổn định. Năm

2017-2018 ông có thuê máy lên san gạt làm đường lên đồi đồng thời cũng gạt những tảng đá trên diện tích đất đó, khi san gạt không ai có ý kiến, tranh chấp gì. Tháng 9 năm 2019 gia đình ông trồng ngô trên đất thì gia đình bà Nguyễn Thị T lên tranh chấp. Ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T khẳng định vị trí đất đang có tranh chấp thuộc phần đất của gia đình ông bà, *(có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông bà không thì ông không rõ)*. Nay bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu phải trả lại diện tích đất nêu trên, ông bà không nhất trí.

Tại văn bản số 80/UBND ngày 14-12-2020 và Biên bản xác minh ngày 26-11-2020, đại diện Ủy ban nhân dân xã KT, huyện LY trình bày: Thửa đất đang tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị T với gia đình ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T có địa chỉ tại thôn LG, xã KT, huyện LY. Tại thời điểm đo đạc theo bản đồ 672 do không có ai kê khai nên đất đang thuộc Ủy ban nhân dân xã KT quản lý. Việc tranh chấp đất đai giữa các hộ gia đình đã được Ủy ban nhân dân xã hoà giải nhưng không có kết quả. Về nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp đã được các cơ quan chức năng đo đạc, xác định rõ ranh giới và quyền sử dụng. Hiện nay mặc dù theo sổ mục kê thửa đất là do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý nhưng trong quá trình giải quyết, nếu có căn cứ thì Tòa án có thể giao đất cho công dân sử dụng diện tích đất này, Ủy ban nhân dân xã không có ý kiến.

Ngày 08-11-2020, Tòa án nhân dân huyện LY đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và xác định: Diện tích đất đang có tranh chấp giữa các đương sự là một phần của thửa đất số 1451 tờ bản đồ dự án 672, có diện tích là 949,5 m². *(Được xác định là thửa số 01 trong sơ đồ thẩm định ngày 08-11-2020)*

Ngày 18-12-2020, Tòa án nhân dân huyện LY tiến hành hoà giải giữa các đương sự. Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T phải trả lại diện tích đất có tranh chấp là 948 m². Tại phiên toà sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T phải trả lại diện tích đất có tranh chấp là 949,5 m² theo như kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn không nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn đưa ra mà yêu cầu nếu trả lại đất thì nguyên đơn phải trả lại số tiền là 30.000.000 đồng *(Ba mươi triệu đồng)*.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 101, Điều 166, Điều 170; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai. Điều 166; khoản 1 Điều 579; Điều 580 Bộ luật Dân sự. Khoản 9 Điều 26; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Triệu Quốc T và chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải thu dọn các cây cối hoa màu và trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 949,5m² tại thôn LG, xã KT, huyện LY. Ranh giới thửa đất được xác định như sau: Phía Bắc và phía Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phía Nam giáp đường đất lên đồi; phía Tây giáp

đường Bê tông (Theo sơ đồ thửa đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08-11-2020)

Nguyên đơn có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Triệu Quốc T và chị Hoàng Thị T phải chịu 11.400.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm ngàn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Số tiền này anh T, chị T có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu lãi suất chậm thi hành án; về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02- 3-2021, bị đơn là ông Triệu Quốc T và bà Hoàng Thị T có đơn kháng cáo không nhất trí về các nội dung của bản án sơ thẩm về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại đất và không nhất trí với việc phải chịu các chi phí liên quan đến việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo là ông Triệu Quốc T và bà Hoàng Thị T có ý kiến: giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án xác định thêm người làm chứng là các bà Hoàng Thị N1; Lý Thị Đ và ông Lý Thông C tại phiên tòa phúc thẩm.

Ý kiến của nguyên đơn: Không nhất trí với nội dung kháng cáo và các yêu cầu do phía bị đơn đưa ra. Đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB có ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa phúc thẩm. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong hạn luật định và hợp lệ. Về nội dung vụ án, qua nghiên cứu hồ sơ Viện kiểm sát nhận thấy: Theo các tài liệu có trong hồ sơ, có đủ căn cứ để xác định diện tích đất có tranh chấp là một phần của thửa đất do gia đình bà Nguyễn Thị T đã khai phá từ năm 1980. Lời khai của bị đơn về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất không đồng nhất, không có căn cứ, cơ sở. Lời khai của những người làm chứng do bị đơn đưa ra thêm tại phiên tòa phúc thẩm không khách quan vì những người này có quan hệ thân thiết với bị đơn và tại phiên tòa những người này đều thừa nhận chưa đến thực địa nơi đang có tranh chấp. Nên bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của bị đơn về việc không chấp nhận chịu chi phí xem xét thẩm định là không có cơ sở.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY. Về án phí phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, lời trình bày, tranh luận của các đương sự. Xét kháng cáo của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Trong vụ án này, các bên đương sự có tranh chấp về quyền sử dụng đất. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định vụ án thuộc quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là chính xác. Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng trong vụ án và xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định của các Điều 26; 35 và 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn kháng cáo, đúng, đủ về hình thức và nội dung. Nên kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

[2] Về nội dung:

[2.1.] Theo lời khai của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T thì diện tích đất đang có tranh chấp có nguồn gốc do gia đình khai phá từ năm 1980, sau khi khai phá, gia đình đã sử dụng một thời gian sau đó có cho một số hộ gia đình khác mượn để sử dụng. Năm 2009-2010 gia đình tiếp tục sử dụng, đến năm 2011 thì xảy ra tranh chấp với gia đình ông Triệu Văn T2 (em trai ông Triệu Quốc T) vì trâu của gia đình ông T vào phá ngô của gia đình bà. Sự việc đã được Công an xã giải quyết và gia đình ông T2 đã phải bồi thường số cây ngô bị thiệt hại cho gia đình bà. Nội dung lời khai này của nguyên đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng là bà Hoàng Thị N; bà Hoàng Thị Đ1, đều có nội dung cơ bản: ... “ *Khoảng những năm 1980-1981 bà Nguyễn Thị T là người đầu tiên khai phá mảnh đất này...bố anh Triệu Quốc T là ông Triệu Quốc T3 cũng có sử dụng đất nhưng ở bên cạnh không liên quan đến thửa đất của bà T. giữa hai thửa đất của ông Tuyển và bà T có một hàng rào bằng đá xếp cao*” ...và... “*gia đình bà T trồng ngô trên thửa đất và đã có lần tranh chấp với anh Triệu Văn T2 là em của anh Triệu Quốc T...Thửa đất đang tranh chấp hoàn toàn không phải của vợ chồng anh T...*”. Phù hợp với nội dung Biên bản làm việc ngày 02-9-2011 của Ủy ban nhân dân xã KT, huyện LY giải quyết tranh chấp việc trâu nhà ông T2 vào phá cây ngô nhà bà T (ông Hoàng). Tại Biên bản hoà giải ngày 23-9-2019, ông Hoàng Tinh S-Phó trưởng Công an xã KT cũng khẳng định:... “*Năm 2011, gia đình bà T trồng ngô, trâu gia đình ông T2 phá hoại, tổ công tác của UBND xã xuống làm việc. Gia đình ông T2 đã chấp nhận đền bù thiệt hại*

cho gia đình bà T, diện tích trên là khu đất tranh chấp hiện nay.” Cũng trong Biên bản làm việc ngày 02-9-2011, Ủy ban nhân dân xã KT có nêu do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai nên yêu cầu các hộ gia đình làm đơn lên địa chính xã để giải quyết tranh chấp không bên nào được tự ý sử dụng.

Như vậy, lời khai của nguyên đơn là có cơ sở để xác định đúng với thực tế khai phá và sử dụng đất.

[2.2.] Theo lời khai của bị đơn thì diện tích đất đang tranh chấp là do bố mẹ khai phá từ năm 1990 để trồng ngô, sau đó đến năm 1995 gia đình được cho để sử dụng và gia đình đã sử dụng từ 1995 đến nay. Đến năm 2018 gia đình san đường lên đồi không xảy ra tranh chấp với ai, năm 2019 khi gia đình trồng ngô thì mới phát sinh tranh chấp với gia đình bà Nguyễn Thị T. Lời khai này của bị đơn không phù hợp với lời khai của chính ông Triệu Quốc T tại Biên bản kiểm tra xác minh ngày 26-12-2018 về nguồn gốc đất:... *“Đầu tiên là của nhà ông Hoàng Văn Th1 khai phá từ năm 1991 đến năm 1992 ông Th1 cho gia đình tôi trồng lúa...”*. Mặt khác, bà Hoàng Thị N là vợ ông Hoàng Văn Th1 cũng khẳng định: *“...Thửa đất đang tranh chấp hoàn toàn không phải của vợ chồng anh T...”*.

Việc phía bị đơn khai năm 2018 gia đình san đất không phát sinh tranh chấp với ai là không đúng vì tại Biên bản kiểm tra xác minh ngày 26-12-2018 thể hiện sau khi ông Triệu Quốc T đưa máy vào mức một phần đất ở trên mảnh nương này thì bà Nguyễn Thị T đã làm đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã KT đã giải quyết tranh chấp và yêu cầu các bên không được sử dụng đất, nhưng gia đình ông Triệu Quốc T không chấp hành.

Như vậy, lời khai của bị đơn không phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu do Ủy ban nhân dân xã KT cung cấp. Nên không có cơ sở để xác định các lời khai nêu trên của bị đơn là đúng.

[2.3.] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ để xác định gia đình bà Nguyễn Thị T là người thực tế đã khai phá và sử dụng diện tích đất đang có tranh chấp từ năm 1980 đến tháng 9-2011. Việc gia đình bà T không tiếp tục sử dụng đất từ năm 2011 là tuân thủ yêu cầu của UBND xã về việc giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Lời khai của ông Triệu Quốc T về nguồn gốc đất là không đồng nhất, không rõ ràng, không có tài liệu, chứng cứ thể hiện diện tích đất tranh chấp là của gia đình ông khai phá, sử dụng từ năm 1990 đến nay; Việc ông T khai diện tích đất là do ông Hoàng Văn Th1 khai phá sau đó cho ông sử dụng cũng không được bà Hoàng Thị N (vợ ông Th1) công nhận nên không có căn cứ chứng minh. Không có cơ sở để khẳng định gia đình ông Triệu Quốc T đã sử dụng đất ổn định từ năm 1995 như đã khai.

[3.] Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08-11-2020 thì diện tích đất đang có tranh chấp là một phần của thửa đất số 1451 bản đồ dự án 672

xã KT. Tại trang số 45 sổ mục kê năm 2007 thể hiện thửa đất số 1451 nêu trên (bao gồm cả phần diện tích đất đang có tranh chấp) chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình mà vẫn do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý. Tại văn bản số 80/UBND ngày 14-12-2020 và Biên bản xác minh ngày 26-11-2020, thể hiện: Hiện nay mặc dù theo sổ mục kê thửa đất là do Ủy ban nhân dân xã KT quản lý nhưng trong quá trình giải quyết, nếu có căn cứ thì Tòa án có thể giao đất cho công dân sử dụng diện tích đất này, Ủy ban nhân dân xã không có ý kiến.

Như vậy, thửa đất đang có tranh chấp giữa các hộ gia đình không nằm trong quy hoạch, có thể giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng.

[4.] Về nội dung kháng cáo của bị đơn: Từ các nhận định đã nêu, thấy rằng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích đất đang có tranh chấp có nguồn gốc do gia đình bà Nguyễn Thị T khai phá và sử dụng từ năm 1980 là có căn cứ. Mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng tính đến tháng 9-2011, gia đình nguyên đơn là người sử dụng đất thực tế. Việc gia đình bà T không tiếp tục sử dụng đất từ cuối năm 2011 là tuân thủ yêu cầu của UBND xã về việc giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp. Từ năm 2018 đến nay gia đình ông Triệu Quốc T sử dụng đất là không có căn cứ pháp luật. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định buộc gia đình ông Triệu Quốc T có nghĩa vụ phải thu dọn các cây cối hoa màu và trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 949,5m² tại thôn LG, xã KT, huyện LY là có căn cứ. Do phía bị đơn không cung cấp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo này của bị đơn đưa ra.

Đối với nội dung kháng cáo không nhất trí chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do bị đơn đưa ra, thấy rằng: Do yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T đưa ra được chấp nhận. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn, gia đình ông Triệu Quốc T phải có nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là đúng quy định tại các Điều 157; 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định của khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY.

[5.] Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, phía bị đơn giao nộp thêm 03 giấy xác nhận của các ông Lý Thông C; bà Hoàng Thị N1 và bà Lý Thị Đ có nội dung xác nhận diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông Triệu Quốc T. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng này đều thừa nhận từ khi xảy ra tranh chấp giữa gia đình bà Nguyễn Thị T với gia đình ông Triệu Quốc T, họ đều chưa đến vị trí đất tranh chấp. Mặt khác bà Lý Thị Đ là mẹ đẻ ông Triệu Quốc T; ông Lý Thông C và bà Hoàng Thị N1 đều có quan hệ thông gia với gia đình bà Lý Thị Đ, là mẹ ông Triệu Quốc T. Nên lời khai của những người này không khách quan, không có giá trị chứng minh.

[6.] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn, ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/TCDS-ST ngày 23-02-2021 của Tòa án nhân dân huyện LY như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị T; buộc ông Triệu Quốc T và bà Hoàng Thị T có nghĩa vụ phải thu dọn các cây cối hoa màu và trả cho bà Nguyễn Thị T diện tích đất 949,5m² tại thôn LG, xã KT, huyện LY. Ranh giới thửa đất được xác định như sau: Phía Bắc và phía Đông giáp phần đất bà Nguyễn Thị T đang sử dụng; phía Nam giáp đường đất lên đồi; phía Tây giáp đường Bê tông *(Theo sơ đồ thửa đất kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08-11-2020)*

Nguyên đơn có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Triệu Quốc T và bà Hoàng Thị T phải chịu 11.400.000 đồng *(Mười một triệu bốn trăm ngàn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do bà Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên, nên ông T, bà T có nghĩa vụ phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền này.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có yêu cầu thi hành án, nếu ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T chưa thi hành xong khoản tiền xem xét thẩm định tại chỗ nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí sơ thẩm: ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị T được hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện LY theo biên lai số AA/2017/0008215 ngày 21-7-2020.

3.2. Án phí phúc thẩm: Ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng, tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng,

tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LY theo biên lai số AA/2017/0008522 ngày 11-3-2021. Ông Triệu Quốc T, bà Hoàng Thị T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh YB;
- Các đương sự
- Cục thi hành án dân sự.
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, TA .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

